

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2025-2026**

Môn: Ngữ văn 11

I. CẤU TRÚC, GIỚI HẠN

1. Cấu trúc:

- Thời gian làm bài: 90 phút
- Hình thức: tự luận
- Cấu trúc: 2 phần
- + Phần 1: Đọc hiểu: 5 câu (5,0 điểm)
- + Phần 2: Viết văn: 1 câu (5,0 điểm)

2. Giới hạn:

- **Phần 1:** Kiểm tra đọc hiểu và viết ở thể loại truyện thơ Nôm (giới hạn phạm vi Bài 6 – Nguyễn Du- “*Những điều trông thấy mà đau đớn lòng*”); Văn bản: lấy từ *Truyện Kiều*, đoạn trích ngoài SGK.
- **Phần 2:** Viết văn thuyết minh về một tác phẩm văn học.

II. Khung ma trận đề và bảng đặc tả ma trận

1. Khung ma trận:

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						Tổng %
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
I	Năng lực Đọc	Truyện thơ Nôm	5	2	10 %	2	20 %	1	20 %	50%
II	Năng lực Viết	Viết bài thuyết minh có lồng ghép một hay nhiều yếu tố như miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận	1	12,5%		15%		22,5%		50%
Tỉ lệ%				22,5%		35%		42,5%		100%
Tổng			6	100%						

2. Bảng đặc tả ma trận

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức /	Mức độ đánh giá	Số lượng câu hỏi theo mức độ nhận thức	Tổng %
----	---------	--------------------	-----------------	--	--------

		Kĩ năng		Nhậ n biết	Thôn g hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc hiểu	Truyện thơ dân gian, truyện thơ Nôm	Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, câu chuyện, chi tiết tiêu biểu, nhân vật trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm - Nhận biết được người kể chuyện trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm; thể loại; thể thơ - Nhận biết được các hình thức ngôn ngữ: độc thoại, đối thoại, độc thoại nội tâm và các biện pháp nghệ thuật trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. - Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện của đoạn trích/ tác phẩm. - Phân tích được đặc điểm, vai trò của của cốt truyện, nhân vật, chi tiết trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. - Phân tích, lí giải được ý nghĩa của ngôn ngữ, bút pháp nghệ thuật trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. - Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả	<i>Theo ma trận ở trên</i>			60	

			trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. - Phân tích được một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. - Phát hiện và lí giải được các giá trị nhân văn, triết lí nhân sinh từ truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. Vận dụng: - Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân đối với văn học và cuộc sống. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra trong truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. Vận dụng cao: - Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của truyện thơ dân gian/ truyện thơ Nôm. - So sánh được sự giống và khác nhau giữa các văn bản truyện thơ; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn với tác phẩm.		
2	Viết	Viết văn bản thuyết minh	Nhận biết: - Xác định được đúng yêu cầu về nội dung thuyết minh và hình thức của văn bản thuyết minh. - Xác định được đúng mục đích, đối tượng của văn bản.		

Tình kỳ ¹giục già đã mong trở về.
 Một mình nàng, ngọn đèn khuya,
 Áo dầm giọt lệ, tóc se mối sầu.
 “Phận dầu, dầu vậy cũng dầu,
 Xót lòng đeo đẳng bấy lâu một lời!
 Công trình kẻ biết mấy mươi,
 Vì ta khăng khít, cho người dở dang.
 Thẻ hoa chưa ráo chén vàng,
 Lỗi thẻ thôi đã phụ phàng với hoa!
 Trời Liêu ²non nước bao xa,
 Nghĩ đâu rẽ cửa chia nhà tự tôi!
 Biết bao duyên nợ thẻ bồi,
 Kiếp này thôi thế thì thôi còn gì?
 Tài sinh chưa dứt hương thẻ,
 Làm thân trâu ngựa ³đền nghì trúc mai⁴.
 Nợ tình chưa trả cho ai,
 Khỏi tình mang xuống tuyền đài ⁵chưa tan!”

(Trích từ câu 693-710 phần Gia biến và lưu lạc, Truyện Kiều, Nguyễn Du, NXB Văn Nghệ, 2007, tr.55-56)

Thực hiện yêu cầu:

Câu 1. Xác định người kể chuyện trong đoạn trích.

Câu 2. Đoạn trích trên đã sử dụng hình thức ngôn ngữ nào?

Câu 3. Nêu hiệu quả biểu đạt của phép đối được sử dụng trong câu thơ:

“Áo dầm giọt lệ, tóc se mối sầu”.

Câu 4. Anh/chị hiểu như thế nào về nội dung câu thơ:

“Công trình kẻ biết mấy mươi,
 Vì ta khăng khít, cho người dở dang”?

Câu 5. Từ nội dung văn bản trên, hãy viết đoạn văn (khoảng 7-10 câu) điều bản thân cần làm để sống có trách nhiệm với tình cảm của người khác.

II. VIẾT (5,0 điểm)

Dựa vào kiến thức đã học về tác giả Nguyễn Du, tác phẩm Truyện Kiều, anh/chị hãy thuyết minh về đoạn trích trên.

-----Hết-----

¹ Tình kỳ: là giờ dẫn hôn. Sách nói: *Hôn giả kiến tình nhi hành*: đám cưới trông thấy sao mọc mới rước dâu, nghĩa là cưới về đêm.

² Trời Liêu là nói đất Liêu Dương, chỗ Kim Trọng đi hộ tang chú.

³ Chuyện luân hồi: Hễ nợ ai kiếp này không trả được, thì kiếp sau sinh là trâu hay ngựa ở nhà người có nợ, để đến trả cho xong.

⁴ Trúc mai: nói về tình nghĩa giao kết, cũng như cây trúc, cây mai vẫn làm bạn với nhau

⁵ Tuyền đài: là dưới âm phủ, cũng như nói dạ đài hay hoàng tuyền

ĐỀ 2:

I. ĐỌC- HIỂU (5,0 điểm)

Đọc bản sau:

(Lược dẫn: Thúy Kiều bị Mã Giám Sinh đưa vào lầu xanh nên nàng quyết tự vẫn. Sợ mất cả vốn lẫn lời, Tú Bà dỗ dành Thúy Kiều ra ở lầu Ngưng Bích để “tìm nơi xứng đáng làm con cái nhà”, đồng thời mụ ta cấu kết với Sở Khanh để lừa nàng. Sau khi mắc mưu Sở Khanh, nàng tin lời hấn trốn khỏi lầu Ngưng Bích nên bị Tú Bà bắt lại, đánh một trận “uốn lưng thịt đỏ, dập đầu máu sa”, Thúy Kiều buộc phải tiếp khách tại lầu xanh. Đoạn trích sau đây nói về tâm trạng của Thúy Kiều khi sống trong hoàn cảnh ấy).

Ôm lòng đòi đoạn xa gần,
Chẳng vò mà rói, chẳng dần mà đau!
Nhớ ơn chín chữ cao sâu¹,
Một ngày một ngả bóng dâu tà tà.
Dặm nghìn nước thẳm non xa,
Nghĩ đâu thân phận con ra thế này.
Sân hoè² đôi chút thơ ngây,
Trân cam³ ai kẻ đỡ thay việc mình?
Nhớ lời nguyện ước ba sinh,
Xa xôi ai có thấu tình chẳng ai?
Khi về hỏi liễu Chương Đài⁴,
Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay!
Tình sâu mong trả nghĩa dày,
Hoa kia đã chấp cành này cho chưa ?
Mối tình đòi đoạn vò tơ,
Giác hương quan⁵ luống lẫn mơ canh dài.
Song sa vò võ phương trời ,
Nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng.
Lần lần thổ bạc ác vàng,
Xót người trong hội đoạn trường đòi con.
Đã cho lấy chữ hồng nhan,
Làm cho cho hại, cho tàn, cho cân.
Đã dày vào kiếp phong trần,
Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi.

(Trích *Truyện Kiều* - Nguyễn Du, Đào Duy Anh hiệu khảo, chú giải, nhà xuất bản Văn học)

Chú thích:

(1). *Chín chữ cao sâu*: Sinh (đẻ), cúc (nâng đỡ), phủ (vuốt ve) súc (nuôi, cho bú, cho ăn), trưởng (nuôi cho lớn), dục (dạy dỗ), cố (trông nom), phục (tùy tính mà dạy), phúc (che chở). Chín chữ cao sâu chỉ ơn đức của cha mẹ cao như trời, sâu như biển.

(2). *Sân hòe*: Đồi Tổng Vương Hộ tự tay trồng ba cây hòe ở sân, nói rằng con cháu ta tất có người làm tam công. Sau này người ta thường dùng cây hòe để chỉ con cháu. Câu này chỉ em Thúy Kiều còn trẻ dại ở nhà với cha mẹ.

(3). *Trân cam*: Đồ ăn quý và ngon dâng cha mẹ.

(4). *Liễu Chương Đài*: Do điển Hoàn Hoành thời Đường lấy người kỹ nữ là Liễu thị, đi làm quan xa, để Liễu thị ở Chương Đài (Tràng An). Ý thơ là việc Kiều tương tượng khi Kim Trọng trở lại, hỏi thăm người tình cũ thì người tình ấy (tức là Kiều) đã sang tay kẻ khác mất rồi.

(5). *Giác hương quan*: Giác mộng về quê hương.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0.5 điểm). Xác định người kể chuyện trong đoạn trích.

Câu 2 (0.5 điểm). Đoạn trích trên sử dụng hình thức ngôn ngữ nào?

Câu 3 (1.0 điểm). Dấu hiệu nào trong đoạn trích trên cho thấy đây là truyện thơ Nôm bác học?

Câu 4 (1.0 điểm). Nhận xét về thái độ, tình cảm mà Nguyễn Du dành cho nhân vật qua đoạn thơ in đậm trong đoạn trích.

Câu 5 (2.0 điểm). Qua đoạn trích trên, anh/chị suy nghĩ gì về số phận người phụ nữ trong xã hội cũ? (*Viết đoạn văn 7 -10 câu*)

II. PHẦN VIẾT (5,0 điểm)

Dựa vào kiến thức đã học về tác gia Nguyễn Du, tác phẩm *Truyện Kiều*, anh/ chị hãy thuyết minh về đoạn trích trên.

TỔ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Bảo Thúy

NHÓM VĂN 11 BIÊN SOẠN